

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HSST
Ngày 10 tháng 7 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tú

Ông Trần Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 –
Thành phố Hồ Chí Minh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
292/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 176/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa
phiên tòa số 75/2025/HSST-QĐ ngày 20/6/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phùng Tuấn K, sinh năm 1992; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Thành
phố H; Nơi ĐKKHKT: 174 P, phường GĐ (phường R, quận BT cũ), TP. H; Chỗ ở:
174 P, phường GĐ (phường R, quận BT cũ), TP. H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:
Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha:
Phùng Văn S, sinh năm 1961 (đã chết); Họ tên mẹ: Dư Ngọc T, sinh năm 1962; Anh,
chị em: Có 03 anh chị em, bị cáo là người thứ 02 trong gia đình; Vợ: Vũ Thị Thanh
Ng, sinh năm 2000; Có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020;

Nhân thân: Ngày 20/6/2016, bị Công an quận Bình Thạnh ra Quyết định xử
phạt hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng. (đã chấp hành xong)

Tiền án, tiền sự: Không có; Biện pháp ngăn chặn: Tạm giam từ ngày 09/11/2023
đến ngày 10/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh năm 1994

Nơi cư trú: 290/45/2 N, phường BT (phường T, quận BT cũ), Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M, sinh năm 1993

Nơi cư trú: 290/51/11/1 N, phường BT (phường T, quận BT cũ), Thành phố H.

3. Bà Cao Thị Ph, sinh năm 1964

Nơi cư trú: 206C B, phường BT (phường T, quận BT cũ), Thành phố H.

4. Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: 288/33A N, phường T, quận BT, TP.H.

5. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957

Nơi cư trú: 198/5/37 P, phường BT (phường T, quận BT cũ), Thành phố H.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ tháng 5/2022, Phùng Tuấn K (sinh năm 1992) bắt đầu cho những người có nhu cầu vay tiền và lấy lãi nặng. Khi có người có nhu cầu vay tiền sẽ gặp K vay tiền. K hoạt động cho vay tiền lấy lãi suất một mình, không thuộc tổ chức hoặc công ty nào cả và nguồn tiền cho vay là tiền cá nhân của K.

Cách thức vay như sau: K cho vay tiền lấy lãi với số tiền tối đa là 50.000.000 đồng, thấp nhất là 1.000.000 đồng. Khi cho vay, giữa người vay và K không làm giấy tờ vay mượn tiền, người vay không cần thế chấp gì vì K chỉ cho những người quen và biết chỗ người vay làm việc, buôn bán.

K cho vay dưới 02 hình thức: Vay tiền trả góp liên tục trong 24 ngày và vay tiền đứng trả lãi mỗi ngày liên tục đến khi trả xong tiền gốc.

Về lãi suất khoản vay tiền trả góp liên tục trong 24 ngày: khi cho vay, K đã cộng tiền lời, tiền vốn và chia ra theo ngày để người vay trả liên tục trong vòng 24 ngày. Cụ thể như sau:

Với mức vay 1.000.000 đồng thực tế người vay chỉ nhận số tiền 900.000 đồng, K tự trừ 100.000 đồng là tiền phí do K tự đặt ra. Người vay phải trả cho K một ngày 50.000 đồng. Số tiền 50.000 đồng này là tiền lãi và tiền vốn. Và người vay phải trả liên tục cho K trong vòng 24 ngày thành 1.200.000 đồng. Trong đó 1.000.000 đồng là tiền vốn, 200.000 đồng là tiền lãi, với khoản vay này K thu lợi 300.000 đồng gồm 100.000 đồng tiền phí và 200.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, trong 24 ngày K cho vay tiền với lãi suất 20%/24 ngày, tính ra một ngày K cho vay lấy lãi suất là 0,83%/ ngày, tương đương 304%/năm.

Về lãi suất khoản vay tiền đứng: khi cho vay, K chỉ thu tiền lãi mỗi ngày liên tục cho đến khi người vay trả xong tiền gốc. Cụ thể:

Với mức vay 1.000.000 đồng thực tế người vay chỉ nhận 900.000 đồng, K tự trừ 100.000 đồng là tiền phí do K tự đặt ra. Người vay phải trả lãi cho K một ngày 20.000 đồng. Số tiền 20.000 đồng này là tiền lãi, tiền vốn vẫn còn nguyên và người vay phải trả lãi liên tục cho K mỗi ngày đến khi trả xong tiền vốn. Với khoản vay này, K thu lợi 100.000 đồng tiền phí và 20.000 đồng tiền lãi mỗi ngày.

Như vậy, khoản vay tiền đứng một ngày K cho vay tiền với lãi suất 2%, tương đương 730%/năm.

Cách thức thu tiền lãi suất, tiền vốn như sau: Do khi cho vay, K đã biết nơi ở hoặc nơi làm việc của người vay tiền nên K quy định: người vay phải gặp K trả tiền góp và tiền lãi đứng bằng tiền mặt vào khoảng 10 giờ đến 11 giờ sáng mỗi ngày tại nhà số 174 Phan Văn Trị, Phường 12, quận Bình Thạnh; hoặc chuyển tiền qua số tài khoản số tài khoản 104001787768 ngân hàng Vietinbank đứng tên Phùng Tuấn K.

Hàng ngày, nếu người vay trả chậm K gọi điện thoại nhắc nhở trả tiền, nếu người vay trốn tránh việc trả tiền K nhắn tin gây áp lực để đòi tiền. K đã cho khoảng 13 người vay tiền với các cách tính lãi như trên. K không quản lý trên sổ sách mà chỉ nhớ các khoản cho vay.

Kết quả điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được 05 người vay tiền của K, như sau:

1. Nguyễn Thị Ngọc P (sinh năm 1994) đã vay của K các khoản vay như sau:

Ngày 05/10/2023, bà P gặp Phùng Tuấn K vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng và bị trừ phí vay là 500.000 đồng do K tự đặt ra, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng. Bà P đã góp được 23 ngày với số tiền 5.750.000 đồng. Đến ngày 28/10/2023, bà P tiếp tục vay của K số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, bị trừ phí vay là 500.000 đồng do K tự đặt ra và 250.000 đồng tiền tất toán khoản vay ngày 05/10/2023 nên bà P chỉ thực nhận số tiền 4.250.000 đồng. Bà P góp được 05 ngày với số tiền 1.250.000 đồng trong đó tiền gốc là 1.000.000 đồng và tiền lãi 250.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/11/2023 thì bà P đã tất toán khoản vay góp thứ nhất gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi, khoản vay góp thứ hai đã trả được 1.000.000 đồng tiền gốc và 250.000 đồng tiền lãi, bà P còn nợ tiền gốc 4.000.000 đồng.

Như vậy, K đã cho vay góp với lãi suất là 20%/24 ngày, tương đương 0.83%/1 ngày, lãi suất tháng 25%/1 tháng, lãi suất năm 300%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với khoản vay ngày 05/10/2023, bà P vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì bà P chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 24 ngày là 2.800 đồng x 24 = 67.200 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho bà P vay góp là 1.432.800 đồng (1.000.000 đồng - 67.200 đồng + 500.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Đối với khoản vay ngày 28/10/2023, bà P vay góp 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì bà P chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 5 ngày là 2.800 đồng x 5 = 14.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho bà P vay góp là 736.000 đồng (250.000 đồng - 14.000 đồng + 500.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Như vậy, tổng số tiền mà K thu lợi bất chính từ việc cho bà P vay góp là 2.168.800 đồng.

2. Nguyễn Thị Kiều Diễm M (sinh năm 1993) đã vay của K các khoản vay như sau:

Ngày 13/3/2023, bà My gặp Phùng Tuấn K để vay tiền số tiền 7.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 350.000 đồng nhưng bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 6.500.000 đồng. Với hình thức vay góp như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 13/3/2023 đến ngày 22/10/2023 thì bà My đã 10 lần vay tiền góp, mỗi lần vay góp đều vay 7.000.000 đồng và đã tất toán hết 09 lần vay tiền góp với số tiền gốc là 63.000.000 đồng và 12.600.000 đồng tiền lãi. Còn 01 lần vay góp thì góp được 12 ngày với số tiền 4.200.000 đồng trong đó có 3.360.000 đồng tiền gốc và 840.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bà My đã vay tiền đứng của K số tiền là 5.000.000 đồng, với tiền lãi đóng là 100.000 đồng/01 ngày và không bị trừ phí vay, thực nhận đủ số tiền 5.000.000

đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra, bà My đã đóng tiền lãi được 228 ngày với số tiền là 22.800.000 đồng và chưa tất toán tiền gốc.

Như vậy, K đã cho vay góp với lãi suất là 20%/24 ngày, tương đương 0.83%/1 ngày, lãi suất tháng 25%/1 tháng, lãi suất năm 300%/1 năm. Còn vay tiền đứng với lãi suất 2%/01 ngày, lãi suất tháng là 60%/01 tháng, lãi suất năm 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Với số tiền 09 lần vay góp 63.000.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì bà My chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 35.280 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 24 ngày là 35.280 đồng $\times$ 24 = 846.720 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho bà My vay 09 lần góp là 16.253.280 đồng (12.600.000 đồng - 846.720 đồng + 4.500.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Với số tiền 01 lần vay góp 7.000.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì bà My chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 3.920 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 12 ngày là 3.920 đồng $\times$ 12 = 47.040 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho bà My vay góp là 1.292.960 đồng (840.000 đồng – 47.040 đồng + 500.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Đối với số tiền vay đứng 5.000.000 đồng, tiền lãi đóng 100.000 đồng/1 ngày thì bà My chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 228 ngày là 2.800 đồng $\times$ 228 ngày = 638.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho bà My vay khoản tiền đứng trên là 22.161.600 đồng (22.800.000 đồng – 638.400 đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà K thu lợi bất chính từ việc cho bà My vay góp và vay đứng là 39.707.840 đồng.

3. Cao Thị Ph (sinh năm 1964) đã vay của K các khoản vay như sau:

Ngày 26/9/2023, bà Pháo gặp Phùng Tuấn K vay góp 2.000.000 đồng, thời hạn trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng và không bị trừ phí vay, thực nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng, bà Pháo đã tất toán khoản vay góp này gồm 2.000.000

đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 20/10/2023, bà Pháo gặp Phùng Tuấn K vay góp tiếp 2.000.000 đồng, thời hạn trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng và không bị trừ phí vay, thực nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng, bà Pháo góp được 13 ngày với số tiền 1.300.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.040.000 đồng và tiền lãi 260.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra ngày 02/11/2023 thì bà Pháo đã trả tiền gốc được 3.040.000 đồng, còn nợ tiền gốc 960.000 đồng.

Như vậy, K đã cho vay góp với lãi suất là 20%/24 ngày, tương đương 0.83%/1 ngày, lãi suất tháng 25%/1 tháng, lãi suất năm 300%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với khoản bà Pháo vay góp 2.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì bà Pháo chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.120 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 24 ngày là $1.120 \text{ đồng} \times 24 = 26.880 \text{ đồng}$. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho bà Pháo vay góp là 373.120 đồng (400.000 đồng – 26.880 đồng).

Đối với khoản bà Pháo vay góp 2.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì bà Pháo chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.120 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 13 ngày là $1.120 \text{ đồng} \times 13 = 14.560 \text{ đồng}$. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho bà Pháo vay góp là 245.440 đồng (260.000 đồng - 14.560 đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà K thu lợi bất chính từ việc cho bà Pháo vay góp là 618.560 đồng.

4. Nguyễn Thế T (sinh năm 1987) đã vay của K các khoản vay như sau:

Ngày 03/01/2023, Tài gặp Phùng Tuấn K để vay 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng nhưng bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng. Với hình thức vay như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2023 đến ngày 25/02/2023 thì Tài đã 2 lần vay tiền góp, 03 lần vay tiền đứng của K và đã tất toán hết 01 lần vay tiền góp, 01 lần vay tiền đứng, mỗi lần vay góp từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và mỗi lần vay tiền đứng từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Khoản vay tiền góp 1: Ngày 03/01/2023, Tài được K cho vay 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng nhưng bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 500.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 4.500.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra thì Tài đã tất toán xong khoản vay này gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi.

Khoản vay tiền góp 2: Tài được K cho vay 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng nhưng bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 1.000.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 9.000.000 đồng. Tính đến thời điểm kiểm tra thì khoản vay này Tài góp được 09 ngày với số tiền 4.500.000 đồng gồm 3.600.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi. Tài còn nợ tiền gốc 6.400.000 đồng.

Khoản vay tiền đứng 1: Ngày 21/01/2023, Tài gặp K vay 10.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 200.000 đồng/1 ngày và bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 1.000.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 9.000.000 đồng. Khoản vay này, Tài đã đóng tiền lãi 60 ngày với số tiền là 12.000.000 đồng và đã tất toán xong tiền gốc.

Khoản vay tiền đứng 2: Ngày 25/02/2023, Tài gặp K vay 50.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 1.000.000 đồng/1 ngày và bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 5.000.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 45.000.000 đồng. Khoản vay này, Tài đã đóng tiền lãi 30 ngày với số tiền là 30.000.000 đồng và chưa tất toán tiền gốc.

Khoản vay tiền đứng 3: Tài gặp K vay 20.000.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 400.000 đồng/1 ngày và bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 2.000.000 đồng nên Tài chỉ thực nhận số tiền 18.000.000 đồng. Khoản vay này, Tài đã đóng tiền lãi 10 ngày với số tiền là 4.000.000 đồng và chưa tất toán tiền gốc.

Như vậy, K đã cho vay góp với lãi suất là 20%/24 ngày, tương đương 0.83%/1 ngày, lãi suất tháng 25%/1 tháng, lãi suất năm 300%/1 năm. Còn vay tiền đứng với lãi suất 2%/01 ngày, lãi suất tháng là 60%/01 tháng, lãi suất năm 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với khoản Tài vay góp 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì Tài chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.800 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 24 ngày là 2.800 đồng x 24 = 67.200 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc

cho Tài vay góp là 1.432.800 đồng (1.000.000 đồng - 67.200 đồng + 500.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Đối với khoản Tài vay góp 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì Tài chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 9 ngày là 5.600 đồng x 9 = 50.400 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho Tài vay góp là 2.949.600 đồng (2.000.000 đồng - 50.400 đồng + 1.000.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Đối với số tiền vay đứng 10.000.000 đồng, tiền lãi đóng 200.000 đồng/1 ngày thì Tài chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 5.600 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 60 ngày là 5.600 đồng x 60 ngày = 336.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho Tài vay khoản tiền đứng trên là 12.664.000 đồng (12.000.000 đồng - 336.000 đồng + 1.000.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Đối với số tiền vay đứng 50.000.000 đồng, tiền lãi đóng 1.000.000 đồng/1 ngày thì Tài chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 28.000 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 30 ngày là 28.000 đồng x 30 ngày = 840.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho Tài vay khoản tiền đứng trên là 34.160.000 đồng (30.000.000 đồng - 840.000 đồng + 5.000.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Đối với số tiền vay đứng 20.000.000 đồng, tiền lãi đóng 400.000đ/1 ngày thì Tài chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 11.200 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 10 ngày là 11.200 đồng x 10 ngày = 112.000 đồng. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho Tài vay khoản tiền đứng trên là 5.888.000 đồng (4.000.000 đồng - 112.000 đồng + 2.000.000 đồng tiền thu phí trái pháp luật).

Như vậy, tổng số tiền mà K thu lợi bất chính từ việc cho Tài vay góp và vay đứng là 57.094.400 đồng.

5/ Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1957) đã vay của Phùng Tuấn K những khoản vay như sau:

Do cần vay tiền để trang trải cuộc sống, Tuấn gặp Phùng Tuấn K để vay tiền. Tuấn được K cho 01 lần tiền góp và 01 lần vay tiền đứng, cụ thể như sau:

Khoản vay tiền góp: Ngày 24/10/2023, Tuấn được Phùng Tuấn K cho vay 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng nhưng bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 400.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 3.600.000 đồng. Khoản

vay này Tuấn góp được 9 ngày với số tiền 1.800.000 đồng gồm 1.440.000 đồng tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi. Tuấn còn nợ tiền gốc 2.560.000 đồng.

Khoản vay tiền đứng: Ngày 15/5/2022, Tuấn gặp K vay 2.500.000 đồng tiền đứng, đóng tiền lãi 50.000 đồng/1 ngày và bị trừ phí vay do K tự đặt ra là 250.000 đồng, chỉ thực nhận số tiền 2.250.000 đồng. Khoản vay này, Tuấn đã đóng tiền lãi 536 ngày với số tiền là 26.800.000 đồng và chưa tất toán tiền gốc.

Như vậy, K đã cho vay góp với lãi suất là 20%/24 ngày, tương đương 0.83%/1 ngày, lãi suất tháng 25%/1 tháng, lãi suất năm 300%/1 năm. Còn vay tiền đứng với lãi suất 2%/01 ngày, lãi suất tháng là 60%/01 tháng, lãi suất năm 720%/1 năm.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 1.67%/1 tháng, 0.056%/1 ngày.

Đối với khoản Tuấn vay góp 4.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn 24 ngày thì Tuấn chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 2.240 đồng/01 ngày, số tiền lãi đóng 9 ngày là $2.240 \text{ đồng} \times 9 = 20.160 \text{ đồng}$. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho Tuấn vay góp là 739.840 đồng ($360.000 \text{ đồng} - 20.160 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng}$ tiền thu phí trái pháp luật).

Đối với số tiền vay đứng 2.500.000 đồng, tiền lãi đóng 50.000đ/1 ngày thì Tuấn chỉ phải đóng mức lãi suất cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép là 0,056%/1 ngày tương ứng số tiền 1.400 đồng/1 ngày, số tiền lãi đã đóng 536 ngày là $1.400 \text{ đồng} \times 536 \text{ ngày} = 750.400 \text{ đồng}$. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của K từ việc cho Tuấn vay khoản tiền đứng trên là 26.299.600 đồng ($26.800.000 \text{ đồng} - 750.400 \text{ đồng} + 250.000 \text{ đồng}$ tiền thu phí trái pháp luật).

Tổng số tiền mà K thu lợi bất chính từ việc cho Tuấn vay góp và vay đứng là 27.039.440 đồng.

Như vậy, Phòng Tuấn K đã cho Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Thị Diễm My, Cao Thị Ph, Nguyễn Thế T và Nguyễn Văn T1 vay tiền thu lợi bất chính tổng cộng là 126.629.040 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phòng Tuấn K đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. (Bút lục 57 - 87)

Vật chứng thu giữ: (Bút lục 108, 134, 141, 148)

- Thu giữ từ bị can Phùng Tuấn K:
- 01 đồng hồ điện tử có mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng.
- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của bị can Phùng Tuấn K tại Ngân hàng Vietinbank.
- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Hồ Minh Tài tại Ngân hàng Agribank.
- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Hồ Minh Tài tại Ngân hàng MB Bank.
- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Lê Thái Sơn tại Ngân hàng Sacombank.
- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thị Thanh Thảo tại Ngân hàng ACB.

+ Trách nhiệm dân sự: Không có

Tại bản Cáo trạng số: 113/CT-VKSBTTh ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố bị cáo Phùng Tuấn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phùng Tuấn K đã khai nhận quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, bị cáo hoàn toàn tự nguyện khai báo, không bị ép buộc bị cáo khai không đúng với ý chí của bị cáo. Bị cáo Phùng Tuấn K đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đồng thời các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời nói sau cùng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các ông bà sau: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M, bà Cao Thị Ph, ông Nguyễn Thế T, ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Qua nghiên cứu hồ sơ thể hiện đã ghi nhận lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đầy đủ, rõ ràng. Do đó việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hành quyền công tố trình bày quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố và

đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phùng Tuấn K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phùng Tuấn K từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Tuấn K khai nhận đã thực hiện các hành vi như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai nhận quá trình điều tra tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, bị cáo hoàn toàn tự nguyện khai báo, không bị ép buộc khai không đúng với ý chí của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, biên bản đối chất, biên bản thu giữ vật chứng, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 5/2022, Phùng Tuấn K bắt đầu cho những người có nhu cầu vay tiền và lấy lãi nặng. Khi có người có nhu cầu vay tiền sẽ gặp K vay tiền, K hoạt động cho vay tiền lấy lãi suất một mình, không thuộc tổ chức hoặc công ty nào cả và nguồn tiền cho vay là tiền cá nhân của K. Cách thức cho vay: K cho vay tiền lấy lãi với số tiền tối đa là 50.000.000 đồng, thấp nhất là 1.000.000 đồng, lãi suất vay từ 25% đến 60% tháng. Hình thức cho vay gồm 02 hình thức như sau: Vay tiền trả góp liên tục trong 24 ngày và vay tiền đứng trả lãi mỗi ngày liên tục đến khi trả xong tiền gốc. Từ tháng 05/2022 đến tháng 10/2023 bị cáo Phùng Tuấn K đã có hành vi cho 05 người vay gồm: Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Thị Kiều Diễm M, Cao Thị Ph, Nguyễn Thế T và Nguyễn Văn T1 cụ thể như sau:

Cho chị Nguyễn Thị Ngọc P vay 02 lần tiền góp với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 81.200 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.250.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền phí do K tự đặt ra. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.168.800 đồng. P đã trả cho K tiền gốc là 6.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 tiền gốc P chưa trả cho K.

Cho chị Nguyễn Thị Kiều Diễm M vay 11 lần (10 lần tiền góp và 01 lần tiền đứng) với tổng số tiền 75.000.000 đồng, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.532.160 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 36.240.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền phí do K tự đặt ra. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 39.707.840 đồng. My đã trả cho K số tiền gốc 66.360.000 đồng của khoản vay tiền góp, còn lại 8.640.000 đồng tiền gốc của khoản vay góp và vay đứng My chưa trả cho K.

Cho bà Cao Thị Ph vay 02 lần tiền góp với tổng số tiền 4.000.000 đồng, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 41.440 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 660.000 đồng, K không thu tiền phí. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 618.560 đồng. Bà Pháo đã trả cho K tiền gốc là 3.040.000 đồng, còn lại 960.000 đồng tiền gốc bà Pháo chưa trả cho K.

Cho anh Nguyễn Thế T vay 05 lần (02 lần tiền góp và 03 lần tiền đứng) tổng cộng số tiền 95.000.000 đồng, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 1.405.600 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 49.000.000 đồng và 9.500.000 đồng tiền phí do K tự đặt ra. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 57.094.400 đồng. Anh Tài đã trả cho K số tiền gốc của khoản vay tiền góp là 8.750.000 đồng và 10.000.000 đồng của khoản vay tiền đứng. Còn lại 76.400.000 đồng tiền gốc anh Tài chưa trả cho K (trong đó 6.400.000 đồng tiền gốc của khoản vay tiền góp và 70.000.000 đồng của khoản vay tiền đứng).

Cho anh Nguyễn Văn T1 vay 02 lần (01 lần tiền góp và 01 lần tiền đứng) với tổng số tiền 6.500.000 đồng, số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 770.560 đồng; số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 27.160.000 đồng và 650.000 đồng tiền phí do K tự đặt ra. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 27.039.440 đồng. Còn lại 5.060.000 đồng tiền gốc anh Tuấn chưa trả cho K (trong đó 2.560.000 đồng tiền gốc của khoản vay tiền góp và 2.500.000 đồng của khoản vay tiền đứng).

Bị cáo Phùng Tuấn K đã có hành vi cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền bằng hình thức vay góp và vay đứng trong vòng 24 ngày. Đối với vay góp lãi suất là 20%/24 ngày tương đương 0,83%/ngày, lãi suất tháng 25%/tháng, lãi suất năm 300% năm. Đối với vay đứng lãi suất là 2%/ngày, lãi suất tháng 60%/tháng, lãi suất năm 720%/năm.

Như vậy, bị cáo Phùng Tuấn K đã có hành vi cho Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Thị Kiều Diễm M, Cao Thị Ph, Nguyễn Thế T và Nguyễn Văn T1 vay tổng số tiền 190.500.000 đồng với lãi suất 304% đến 700%/ năm là gấp 15,2 đến 36,5 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Bị cáo Phùng Tuấn K thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo Phùng Tuấn K cho vay tiền với mức lãi suất cao gấp 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền Phùng Tuấn K thu lợi bất chính khi cho Nguyễn Thị Ngọc P, Nguyễn Thị Kiều Diễm M, Cao Thị Ph, Nguyễn Thế T và Nguyễn Văn T1 là 126.629.040 đồng. Trong đó có 02 lần cho vay có thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng. Hành vi của Phùng Tuấn K đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo Phùng Tuấn K là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó Hội đồng xét xử cần xem xét xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phùng Tuấn K đã cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kiều Diễm M và anh Nguyễn Thế T vay trong đó thu lợi bất chính đều trên 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phùng Tuấn K có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nhân thân của bị cáo là tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình được tại ngoại chờ xét xử bị cáo tự nguyện làm đơn xin khắc phục hậu quả đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước. theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017375 ngày 06/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh). Ngoài ra bị cáo Phùng Tuấn K hiện là lao động chính trong gia đình nuôi hai con nhỏ sinh năm con lớn sinh năm 2017 và con nhỏ 2020 trong độ tuổi ăn học.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nêu trên, kết hợp với chính sách khoan hồng của pháp luật, nhằm giáo dục là chính để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về quyết định hình phạt:

Bị cáo Phùng Tuấn K phạm tội nhưng không thuộc trường hợp có tổ chức, băng nhóm và không có tính chất chuyên nghiệp. Trong hoạt động cho vay bị cáo không đe dọa, uy hiếp tinh thần của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người vay tiền của bị cáo đa phần là người thuê trọ trong hẻm gần nhà do quen biết nhau từ trước, nên không thể chấp giấy tờ tùy thân, trên cơ sở xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Thấy rằng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, động cơ, mục đích phạm tội là vụ lợi. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

[8] Xét thấy, quá trình điều tra bị cáo đã bị tạm giữ 11 (mười một) tháng 01 (một) ngày và sau đó Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, đã nhận thức được việc làm của mình là sai trái và vi phạm pháp luật và cam kết sẽ không bao giờ tái phạm. Quá trình được cho tại ngoại chờ xét xử, bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định pháp luật của pháp luật, không vi phạm nào khác.

[9] Xét thấy, không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo Phùng Tuấn K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà bị cáo Phùng Tuấn K có khả năng tự cải tạo, việc Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt bằng với thời gian tạm giữ tạm giam là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, không nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Ngoài ra cũng tạo điều kiện cho bị cáo ở ngoài tiếp tục làm ăn lương thiện, nuôi con nhỏ và chăm sóc gia đình.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[11] Đối với các đối tượng tên Duy, Bé An, Đen hòm, Thủy bán vé số, Mẫn, Linh, mẹ Đen, chị Tư. Bị cáo Phùng Tuấn K không xác định được nhân thân, lai lịch. Do đó, cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[12] Biện pháp tư pháp: Theo Điều 5 xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử lý như sau:

[12.1] Đối với số tiền gốc bị cáo đã nhận lại từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xác định đây là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu, nộp vào Ngân

sách Nhà nước. Do đó, khoản tiền gốc đã được người liên quan trả cho bị cáo, thì bị cáo phải có trách nhiệm nộp vào ngân sách. Khoản tiền gốc nào người liên quan chưa trả cho bị cáo thì cần buộc người liên quan đó phải có trách nhiệm nộp để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

Đối với khoản tiền gốc bị cáo Phùng Tuấn K cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P vay làm 02 đợt tiền góp (đợt 01 ngày 05/10/2023 và đợt 2 ngày 28/10/2023) tổng cộng số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc P đã trả cho Phùng Tuấn K được 6.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ Phùng Tuấn K 4.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, bị cáo Phùng Tuấn K có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 6.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Ngọc P có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 4.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền gốc bị cáo Phùng Tuấn K cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M vay làm 11 đợt trong khoảng thời gian từ ngày 13/3/2023 đến ngày 22/10/2023 (Trong đó có 10 đợt vay góp và 01 đợt vay đứng) tổng cộng số tiền gốc là 75.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M đã trả cho Phùng Tuấn K được 66.360.000 đồng tiền gốc và còn nợ Phùng Tuấn K 8.640.000 đồng tiền gốc. Do đó, bị cáo Phùng Tuấn K có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 66.360.000 đồng và bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 8.640.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền gốc bị cáo Phùng Tuấn K cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Ph vay làm 02 đợt (đợt 01 ngày 26/9/2023 và đợt 2 ngày 20/10/2023) vay góp tổng cộng số tiền gốc là 4.000.000 đồng. Bà Cao Thị Ph đã trả cho Phùng Tuấn K được 3.040.000 đồng tiền gốc và còn nợ Phùng Tuấn K 960.000 đồng tiền gốc. Do đó, bị cáo Phùng Tuấn K có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 3.040.000 đồng và bà Cao Thị Ph có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 960.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền gốc bị cáo Phùng Tuấn K cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T vay làm 05 đợt trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/2023 đến ngày 25/2/2023 với hình thức vay góp và vay đứng tổng cộng số tiền gốc là 95.000.000 đồng. Ông Nguyễn Thế T đã trả cho Phùng Tuấn K được 18.600.000 đồng tiền gốc và còn nợ Phùng Tuấn K 76.400.000 đồng tiền gốc. Do đó, bị cáo Phùng Tuấn K có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 18.600.000 đồng và ông Nguyễn Thế T có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 76.400.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền gốc bị cáo Phùng Tuấn K cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 vay làm 02 đợt vào ngày 24/10/2023 và ngày 15/5/2022 với hình thức vay góp và vay đứng tổng cộng số tiền gốc là 6.500.00 đồng. Ông Nguyễn Văn T1 đã trả cho Phùng Tuấn K được 1.440.000 đồng tiền gốc và còn nợ Phùng Tuấn K 5.060.000 đồng tiền gốc. Do đó, bị cáo Phùng Tuấn K có trách nhiệm

nộp lại số tiền gốc là 1.440.000 đồng và ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm nộp lại số tiền gốc là 5.060.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[12.2] Đối với khoản tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế thu của người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xác định những người vay tiền đều vay tiền với mục đích hợp pháp. Do đó, cần buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại khoản tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Cụ thể được xử lý như sau:

Đối với khoản tiền lãi bị cáo đã thu trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) thì cần buộc bị cáo nộp để sung công quỹ Nhà nước, vì đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội. Cụ thể được xử lý như sau:

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính bao gồm cả tiền thu phí trái pháp luật mà bị cáo Phùng Tuấn K thực tế thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) bà Nguyễn Thị Ngọc P là 2.168.800 đồng. Nên buộc bị cáo K có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 2.168.800 đồng.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Phùng Tuấn K đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) tổng cộng của 02 đợt là 81.200 đồng. Do đó buộc bị cáo Phùng Tuấn K phải nộp lại số tiền 81.200 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính bao gồm cả tiền thu phí trái pháp luật mà bị cáo Phùng Tuấn K thực tế thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M là 39.707.840 đồng. Nên buộc bị cáo K có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 39.707.840 đồng.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Phùng Tuấn K đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) tổng cộng của 11 đợt là 1.532.160 đồng. Do đó buộc bị cáo Phùng Tuấn K phải nộp lại số tiền 1.532.160 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính bao gồm cả tiền thu phí trái pháp luật mà bị cáo Phùng Tuấn K thực tế thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) bà Cao Thị Ph là 618.560 đồng. Nên buộc bị cáo K có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Ph số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 618.560 đồng.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Phùng Tuấn K đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Ph trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) tổng cộng của 02 đợt là 41.440 đồng. Do đó buộc bị cáo Phùng Tuấn K phải nộp lại số tiền 41.440 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính bao gồm cả tiền thu phí trái pháp luật mà bị cáo Phùng Tuấn K thực tế thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) ông Nguyễn Thế T là 57.094.400 đồng. Nên buộc bị cáo K có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 57.094.400 đồng.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Phùng Tuấn K đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) tổng cộng của 05 đợt là 1.405.600 đồng. Do đó buộc bị cáo Phùng Tuấn K phải nộp lại số tiền 1.405.600 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính bao gồm cả tiền thu phí trái pháp luật mà bị cáo Phùng Tuấn K thực tế thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) ông Nguyễn Văn T1 là 27.039.440 đồng. Nên buộc bị cáo K có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 27.039.440 đồng.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo Phùng Tuấn K đã thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trong phạm vi pháp luật cho phép, theo mức cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm) tổng cộng của 02 đợt là 770.560 đồng. Do đó buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải nộp lại số tiền 770.560 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[13] Về xử lý vật chứng:

- Thu giữ từ bị can Phùng Tuấn K:

- 01 đồng hồ điện tử có mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng. Là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó, Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo theo quy định.

- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của bị can Phùng Tuấn K tại Ngân hàng Vietinbank. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Hồ Minh Tài tại Ngân hàng Agribank. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Hồ Minh Tài tại Ngân hàng MB Bank. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Lê Thái Sơn tại Ngân hàng Sacombank. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 tập sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thị Thanh Thảo tại Ngân hàng ACB. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, do đó Hội đồng xét xử tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Không có

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1.1. Xử phạt bị cáo Phùng Tuấn K 11 (mười một) tháng 01 (một) ngày tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù bằng với thời gian tạm giam, bị cáo Phùng Tuấn K đã chấp hành xong hình phạt tù.

1.3. Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Phùng Tuấn K 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2.1. Buộc bị cáo Phùng Tuấn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại khoản tiền gốc của các khoản cho vay để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể:

+ Buộc bị cáo Phùng Tuấn K nộp lại số tiền gốc đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung công quỹ Nhà nước gồm: Bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền là 6.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M số tiền là 66.360.000 đồng; bà Cao Thị Ph số tiền là 3.040.000 đồng; ông Nguyễn Thế T số tiền là 18.600.000 đồng; ông Nguyễn Văn T1 số tiền là 1.440.000 đồng

Tổng cộng bị cáo Phùng Tuấn K phải nộp lại số tiền gốc đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung công quỹ Nhà nước là: 95.440.000 đồng (Chín lăm triệu bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

2.2. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Phùng Tuấn K để sung công quỹ Nhà nước cụ thể gồm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P nộp lại số tiền gốc là 4.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước; Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M nộp lại số tiền gốc là 8.640.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước; Bà Cao Thị Ph nộp lại số tiền gốc là 960.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước; Ông Nguyễn Thế T nộp lại số tiền gốc là 76.400.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước; Ông Nguyễn Văn T1 nộp lại số tiền gốc là 5.060.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Tổng cộng buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên phải nộp lại số tiền gốc đã vay để sung công quỹ Nhà nước là: 95.060.000 đồng (Chín mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng).

2.3. Buộc bị cáo Phùng Tuấn K nộp lại số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể: Số tiền bị cáo Phùng Tuấn K đã thu của bà Nguyễn Thị Ngọc P là 81.200 đồng; đã thu của bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M là 1.532.160 đồng; đã thu của bà Cao Thị Ph là 41.440 đồng; đã thu của ông Nguyễn Thế T là 1.405.600 đồng; đã thu của ông Nguyễn Văn T1 là 770.560 đồng.

Tổng cộng buộc bị cáo Phùng Tuấn K nộp lại số tiền lãi đã thu theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) để sung công quỹ Nhà nước là: 3.830.960 đồng (ba triệu tám trăm ba mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

2.4. Buộc bị cáo Phùng Tuấn K trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và tiền phí trái pháp luật cụ thể như sau:

Bị cáo Phùng Tuấn K trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 2.168.800 đồng. Bị cáo Phùng Tuấn K trả lại cho bà Nguyễn Thị Kiều Diễm M số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 39.707.840 đồng. Bị cáo Phùng Tuấn K trả lại cho bà Cao Thị Ph số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 618.560 đồng. Bị cáo Phùng Tuấn K trả lại cho ông Nguyễn Thế T số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 57.094.400 đồng. Bị cáo Phùng Tuấn K trả lại cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền thu lợi bất chính đã nhận là 27.039.440 đồng.

Tổng cộng buộc bị cáo Phùng Tuấn K trả lại cho 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên là: 126.629.040 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn không trăm bốn mươi đồng).

3. Đối với số tiền bị cáo đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) khắc phục một phần tiền thu lợi bất chính, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017375 ngày 06/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh) được

căn trừ vào nghĩa vụ phải thi hành án của bị cáo Phùng Tuấn K phải thực hiện khi thi hành án.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tuyên trả cho bị cáo: 01 đồng hồ điện tử có mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lúc 09 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Căn cứ các Điều 135; 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh
- CA Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- THA HS;
- PC.27 Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thúc

- Lưu hồ sơ, VP.